TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 351/2024/HS-ST
Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Văn Lực và bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*:** ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 374/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Thị T, sinh năm 1979 tại tỉnh Thái Bình; thường trú: ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: kiot số 1, số nhà B khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức L, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1958; chồng Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2013; có 04 anh em ruột (lớn nhất sinh năm 1971; nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 10/8/2024. Có mặt.

- *Bị hại:* anh Vũ Văn T1, sinh năm 1983 và chị Ngọ Thị T2, sinh năm 1982; cùng thường trú: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: 2 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/4/2023, Vũ Văn A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D bắt giữ về hành vi cố ý gây thương tích, vì muốn lo cho Vũ Văn A được tại ngoại, thông qua giới thiệu anh Vũ Văn T1 (là cha ruột của Vũ Văn A) gặp Hoàng Thị T tại quán cà phê "Xóm V" thuộc khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T tự giới thiệu đang làm việc ở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An. Lúc này, anh T1 nói sự việc Vũ Văn A đang bị Công an thành

phố D bắt giữ do có hành vi gây thương tích trong 02 vụ án khác nhau, đồng thời nhờ T lo cho Vũ Văn A được tại ngoại nhưng T nói không lo được vì Vũ Văn A phạm tội trong 02 vụ án khác nhau nên anh T1 ra về.

Anh T1 làm đơn xin bảo lĩnh Vũ Văn A gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D và được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D giải quyết cho gia đình bảo lĩnh. Sau khi Vũ Văn A được tại ngoại để điều tra, anh T1 liên lạc với T số điện thoại 0397938499 nhờ T lo cho Vũ Văn A được giảm án. Tối ngày 27/4/2023, anh T1 và vợ là chị Ngọ Thị T2 cùng Vũ Văn A đến quán cà phê "Xóm V" gặp T. Tại đây, T hỏi Vũ Văn A về nội dung vụ việc thì Vũ Văn A nói là tham gia 02 vụ án gây thương tích khác nhau, nghe xong T nói nếu chỉ tham gia 01 vụ án thì có thể lo trắng án (không bị xử lý hình sự), nhưng tham gia 02 vụ án nên chỉ có thể lo được hưởng án treo hoặc giảm án với giá tiền chạy án 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), anh T1 và chị T2 đồng ý.

Đến ngày 30/5/2023, T gặp anh T1 yêu cầu anh T1 chuyển 30.000.000 đồng để mời một số người đi ăn uống, tạo mối quan hệ nhờ giúp đỡ việc lo án treo, giảm án cho Vũ Văn A. Anh T1 sử dụng số tài khoản 5590206461633 đăng ký tại ngân hàng A1, chủ tài khoản Vũ Văn T1 chuyển 30.000.000 đồng đến số tài khoản 18666997 đăng ký tại Ngân hàng Á (A2) chủ tài khoản Hoàng Thị T. Khoảng hơn 10 ngày sau (không nhớ ngày) T gọi điện cho anh T1 nói chuyển tiền cho T để đưa cho những người nhận lo giảm án cho Vũ Văn A. Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày anh T1 và chị T2 đem đến địa chỉ: kiot số A, nhà B khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương giao cho T số tiền 160.000.000 đồng. Đến ngày 13/6/2023, anh T1 sử dụng số tài khoản 5590206461633 đăng ký tại ngân hàng A1, chủ tài khoản Vũ Văn T1 chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến số tài khoản 18666997 đăng ký tại Ngân hàng Á (A2) chủ tài khoản Hoàng Thị T. Ngày 16/7/2023, anh T1 chuyển 5.000.000 đồng. Ngày 24/7/2023, anh T1 chuyển 5.000.000 đồng. Còn lại 10.000.000 đồng, Thu trừ vào tiền công anh T1 sửa chữa nhà trọ cho T ở gần ngã tư E, thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tổng số tiền Thu nhận của anh T1 và chị T2 là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, T đã sử dụng tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Ngày 22/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xử Vũ Văn A 01 năm tù. Ngày 02/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xử phạt Vũ Văn A 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt Vũ Văn A phải chấp hành 04 năm tù. Sau khi Tòa án xét xử thấy mức án của Vũ Văn A không được hưởng án treo và giảm án như thỏa thuận, anh T1 gặp T nhiều lần và yêu cầu trả lại số tiền 230.000.000 nhưng T chỉ trả lại được số tiền 140.000.000 đồng, số tiền còn lại 90.000.000 đồng T không trả nên anh T1 làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với Hoàng Thị T.

Tại cáo trạng số 371/CT - VKS - DA ngày 05 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh

luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thu hình P từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt là 230.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho anh Vũ Văn T1 140.000.000 đồng. Anh Vũ Văn T1 yêu cầu Hoàng Thị T trả số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị T đồng ý bồi thường 90.000.000 đồng cho bị hại và không tranh luận, đối đáp gì. Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000 đồng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình tố tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Hoàng Thị T đưa ra thông tin gian dối bản thân đang làm việc tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và hứa sẽ giúp con anh T1 là Vũ Văn A, đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D khởi tố trong 02 vụ án về tội "Cố ý gây thương tích" được giảm án, hưởng án treo để chiếm đoạt số tiền 230.000.000 đồng, vào các ngày 30/5/2023 là 30.000.000 đồng, sau hơn 10 ngày kể từ ngày 30/5/2023 là 160.000.000 đồng, ngày 13/6/2023 là 20.000.000 đồng, ngày 16/7/2023 là 5.000.000 đồng, ngày 24/7/2023 là 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng bị cáo cấn trừ tiền công của bị hại sửa chữa nhà trọ cho bị cáo. Hành vi của Hoàng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Cáo trạng số 371/CT - VKS - DA ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo là người có công được tặng huân, huy chương kháng chiến; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, hiện đang nuôi con nhỏ.

[8] Trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt là 230.000.000 đồng. Bị cáo đã trả cho bị hại 140.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu Hoàng Thị T bồi thường số tiền 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền còn lại 90.000.000 đồng cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đủ để cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[11] Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho anh Vũ Văn T1 và chị Ngọ Thị T2 số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, Hoàng Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền